TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/KDTM-ST
Ngày: 15-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Phước
2. Bà Lê Thị Chí

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Võ Thu Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 -Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 -Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Hồ Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 -Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2025/TLST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 606/2025/QĐXXST- KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1876/2025/QĐST- KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty TNHH S (T).

Địa chỉ: Lô L, đường số B, Khu công nghiệp T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Tô Thanh Thảo N, sinh năm 1991 là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền số POA.2025.CHAUA ngày 14/4/2025 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Công ty Cổ phần S1; Địa chỉ trụ sở: Số B đường L, Phường I, quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Thiên C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số B đường L, Phường I (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo pháp luật (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0309709602) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa, bà Tô Thanh Thảo N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/01/2022, Công ty Cổ phần S1 (viết tắt C) đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc bán hàng số H45/2022/HDNT ("Hợp đồng bán hàng số H45") và Phụ lục số CKTT/2022 với Công ty TNHH S (T). Theo đó, Châu Á đã mua số lượng lớn sản phẩm của T.

Thực hiện Hợp đồng bán hàng số H45/2022/HDNT, TOA Việt Nam đã giao hàng và C đã nhận đủ hàng theo các phiếu giao hàng tương ứng. T đã phát hành các Hóa đơn để yêu cầu C thanh toán khoản nợ như sau:

Hóa đơn	Ngày phát hành	Hạn thanh toán	Giá trị (đồng)
00218069	17.05.2022	30.06.2022	3.575.118
00218346	18.05.2022	30.06.2022	28.495.597
00218347	18.05.2022	30.06.2022	13.011.469
00218653	19.05.2022	30.06.2022	982.080
00218657	19.05.2022	30.06.2022	16.095.200
00218658	19.05.2022	30.06.2022	5.641.504
00218659	19.05.2022	30.06.2022	4.790.368
00218660	19.05.2022	30.06.2022	3.535.488
00218661	19.05.2022	30.06.2022	16.070.842
00218870	20.05.2022	30.06.2022	9.884.090
00218871	20.05.2022	30.06.2022	19.358.979
00218979	21.05.2022	30.06.2022	20.249.398
00219120	23.05.2022	30.06.2022	15.697.757
00219205	23.05.2022	30.06.2022	8.786.342
00219382	24.05.2022	30.06.2022	3.109.920
00219383	24.05.2022	30.06.2022	927.520
00219384	24.05.2022	30.06.2022	1.331.264
00219440	24.05.2022	30.06.2022	11.159.782
00219568	25.05.2022	30.06.2022	7.297.946
00219569	25.05.2022	30.06.2022	17.300.976
00219728	26.05.2022	30.06.2022	927.520
00219837	27.05.2022	30.06.2022	9.219.549
00219919	30.05.2022	30.06.2022	523.776
00220005	30.05.2022	30.06.2022	35.913.574
Tổng cộng			**253.886.059**

Sau đó, T xuất các Hóa đơn chiết khấu thương mại sau để thực hiện chiết khấu cho các Hóa đơn trên như sau:

Hóa đơn	Ngày phát hành	Giá trị (đồng)	Ghi chú
00000275	16.02.2023	2.181.259	Chiết khấu toàn bộ cho Hóa Đơn số 00218069 và Chiết khấu 472.478 đồng cho Hóa đơn 00218346
00000501	20.02.2023	1.866.437	
Tổng cộng		**4.047.696**	

C đã xác nhận rằng tính đến ngày 30 tháng 4 năm 2023, C còn nợ T số tiền 249.838.363 đồng tại Biên bản xác nhận công nợ cùng ngày.

Theo Điều 3 của Phụ lục số CKTT/2022 thì thời hạn thanh toán là ngày cuối cùng của tháng tiếp theo kể từ tháng lập hóa đơn. Do đó, C có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ đúng thời hạn như sau:

Hóa đơn	Ngày phát hành	Hạn thanh toán	Giá trị (đồng)
00218346	18.05.2022	30.06.2022	28.023.019
00218347	18.05.2022	30.06.2022	13.011.469
00218653	19.05.2022	30.06.2022	982.080
00218657	19.05.2022	30.06.2022	16.095.200
00218658	19.05.2022	30.06.2022	5.641.504
00218659	19.05.2022	30.06.2022	4.790.368
00218660	19.05.2022	30.06.2022	3.535.488
00218661	19.05.2022	30.06.2022	16.070.842
00218870	20.05.2022	30.06.2022	9.884.090
00218871	20.05.2022	30.06.2022	19.358.979
00218979	21.05.2022	30.06.2022	20.249.398
00219120	23.05.2022	30.06.2022	15.697.757
00219205	23.05.2022	30.06.2022	8.786.342
00219382	24.05.2022	30.06.2022	3.109.920
00219383	24.05.2022	30.06.2022	927.520
00219384	24.05.2022	30.06.2022	1.331.264
00219440	24.05.2022	30.06.2022	11.159.782
00219568	25.05.2022	30.06.2022	7.297.946
00219569	25.05.2022	30.06.2022	17.300.976
00219728	26.05.2022	30.06.2022	927.520
00219837	27.05.2022	30.06.2022	9.219.549
00219919	30.05.2022	30.06.2022	523.776
00220005	30.05.2022	30.06.2022	35.913.574
Tổng cộng			**249.838.363**

Mặc dù T đã nhiều lần liên hệ, tuy nhiên đến nay C vẫn chưa thanh toán đủ số tiền còn lại là 249.838.363 đồng. Do đó, đề nghị Tòa án yêu cầu C thanh toán ngay cho T khoản nợ gốc 249.838.363 đồng.

Theo Điều 3 của Phụ lục số CKTT/2022 đính kèm Hợp đồng bán hàng số H45 thì trong trường hợp chậm thanh toán, C phải thanh toán khoản tiền mua hàng cộng với tiền lãi tích lũy theo mức lãi suất quá hạn do Ngân Hàng N1 công bố tại thời điểm thanh toán và được tích lũy theo ngày, kể từ thời điểm quá hạn thanh toán ngày cuối cùng của hạn thanh toán.

Theo quy định tại Điều 1 của Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng N1 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Do đó, đề nghị Tòa án buộc C thanh toán số tiền lãi chậm trả theo lãi suất được quy định hiện tại là 9%/năm.

T yêu cầu tính số tiền lãi chậm trả từ ngày kế tiếp sau ngày đến hạn thanh toán và tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2025.

Nay Công ty TNHH S yêu cầu buộc C thanh toán cho T tổng số tiền nợ tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2025 là 311.705.758 đồng, bao gồm các khoản tiền sau đây:

Tiền mua hàng còn nợ: 249.838.363 đồng;

Tiền lãi đối với khoản tiền mua hàng chậm thanh toán tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2025 là: 61.867.395 đồng. T không yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả đối với số tiền mua hàng còn nợ nói trên kể từ 01 tháng 04 năm 2025.

Phương thức thanh toán: thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là Công ty Cổ phần S1 do ông Phạm Thiên C đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 24 Luật Thương mại và đơn khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa. Do bị đơn hiện có đăng ký địa chỉ trụ sở tại quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn là Công ty Cổ phần S1 do ông Phạm Thiên C đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là 249.838.363 đồng và tiền nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 31/3/2025 là 61.867.395 đồng. Tổng cộng số nợ là 311.705.758 đồng (Ba trăm mười một triệu bảy trăm lẻ năm nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng). Kể từ ngày 01/4/2025 Công ty TNHH S không yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả đối với số

tiền mà Công ty Cổ phần S1 mua hàng còn nợ nói trên, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc bán hàng số H45/2022/HDNT; Phụ lục số CKTT/2022; Bảng xác nhận công nợ ngày 30/4/2023; Yêu cầu thanh toán nợ ngày 13/8/2024; Diễn giải các giao dịch trong bảng xác nhận công nợ ngày 30/4/2023; Các phiếu giao hàng cũng như các Hóa đơn giá trị gia tăng có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa với tổng giá trị là 253.886.059 đồng. Tính đến ngày 30/4/2023 Công ty Cổ phần S1 còn nợ tiền mua hàng của Công ty TNHH S là 249.838.363 đồng. Do đó xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua hàng còn thiếu là 249.838.363 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu về tiền lãi:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo Hợp đồng nguyên tắc bán hàng số H45/2022/HDNT ngày 03/01/2022 theo lãi suất 9%/ năm tính đến ngày 31/3/2025 số tiền là 61.867.395 đồng là phù hợp với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba Ngân hàng trên thị trường mà Tòa án thu thập tại 03 Ngân hàng: Ngân hàng N2 - chi nhánh G; Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh I; Ngân hàng TMCP N3 - Chi nhánh T1 thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 12.5%/năm và phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc Công ty Cổ phần S1 phải trả cho Công ty TNHH S tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 31/3/2025 là 61.867.395 đồng.

Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận; 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc và lãi chậm trả là 311.705.758 đồng (Ba trăm mười một triệu bảy trăm lẻ năm nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng), làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/4/2025 Công ty TNHH S không yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả đối với số tiền mà Công ty Cổ phần S1 mua hàng còn nợ nói trên, ghi nhận sự tự nguyện đối với yêu cầu này của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 15.585.288 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 235, Điều 238; Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280, khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24, Điều 50 và khoản 1 Điều 55, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án ;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc Công ty Cổ phần S1 thanh toán cho Công ty TNHH S tổng số tiền 311.705.758 đồng (Ba trăm mười một triệu bảy trăm lẻ năm nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 249.838.363 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 31/03/2025 là 61.867.395 đồng.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là: 15.585.288 đồng.

- Hoàn tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.788.144 đồng cho Công ty TNHH S theo biên lai thu số 0062072 ngày 23/05/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 7 - TpHCM;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh Trang